

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB dự án Đường Ngô Mây nối dài, thành phố Quy Nhơn
Đợt 5: Bồi thường, hỗ trợ di chuyển mô mã, cây cối và vật kiến trúc cho 22 hộ gia đình, cá nhân thuộc địa bàn phường Ngô Mây và 02 hộ gia đình, cá nhân thuộc địa bàn phường Quang Trung bị ảnh hưởng GPMB.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 61/2019/QĐ –UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Đường Ngô Mây nối dài, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Văn bản số 326/TTr-BQLGT ngày 26/02/2021 và Biên bản cuộc họp ngày 04/02/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà ở, di chuyển mồ mả, vật kiến trúc và cây cối hoa màu cho 22 hộ gia đình, cá nhân thuộc địa bàn phường Ngô Mây và 02 hộ gia đình, cá nhân thuộc địa bàn phường Quang Trung bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường Ngô Mây nối dài, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 22 hộ gia đình, cá nhân thuộc địa bàn phường Ngô Mây và 02 hộ gia đình, cá nhân thuộc địa bàn phường Quang Trung; Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế là: **1.328.434.000 đồng** (Một tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng). Trong đó:

- Bồi thường di chuyển mồ mả:	1.065.093.000	đồng;
- Bồi thường vật kiến trúc:	156.058.000	đồng;
- Bồi thường cây cối, hoa màu:	3.686.000	đồng;
- Dự kiến mộ có xác chưa phân hủy:	75.000.000	đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	25.997.000	đồng;
- Chi phí dự phòng cưỡng chế:	2.600.000	đồng.

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, GPMB dự án Đường Ngô Mây nối dài, thành phố Quy Nhơn.

(Kèm theo Phụ lục và Phương án chi tiết theo Văn bản số 326/TTr-BQLGT ngày 26/02/2021 của Thường trực Hội đồng bồi thường, GPMB dự án Đường Ngô Mây nối dài, thành phố Quy Nhơn).

Điều 2. Ban QLDA Giao thông tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19.(M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DO BỊ ẢNH HƯỞNG GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG NGÔ MÂY NỔI DÀI, THÀNH PHỐ QUY NHƠN

(Đợt 5: Bồi thường, hỗ trợ để di chuyển mồ mả, cây cối và vật kiến trúc)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng,

TT	Chủ sử dụng		Tờ BĐ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Diện tích bị thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
								Bồi thường di chuyển mồ mả	Bồi thường vật kiến trúc	Bồi thường, cây cối hoa màu	
I	ĐỊA BÀN PHƯỜNG NGÔ MÂY										
1	Mai Phùng Huy	Tổ 37, KV7, Phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn	1	110	140,40	120,60	19,80	240.571.000	64.276.000	0	304.847.000
			1	131	34,70	34,70	0,00				
			1	148	51,80	51,80	0,00				
			1	155	6,60	6,60	0,00				
			1	156	6,20	6,20	0,00				
			1	162	42,30	42,30	0,00				
2	Lê Viết Bảo	54/1 Biên Cương, TP. Quy Nhơn	1	88	94,90	94,90	0,00	121.402.000	17.655.000	-	139.057.000
3	Nguyễn Công Cẩn	KV1, P.Quang Trung, TP. Quy Nhơn	1	164	3,50	3,50	0,00	2.000.000	96.000	-	2.096.000
4	Nguyễn Thị Thu	Tổ 1, KV2, P. Ngô Mây, TP. Quy Nhơn	1	153	491,70	104,90	386,80	11.684.000	191.000	-	11.875.000
			1	164	3,50	3,50	0,00				
5	Nguyễn Thân	248/11 Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn	1	153	491,70	104,90	386,80	23.193.000	-	-	23.193.000
6	Nguyễn Ngọc Anh	Tổ 3, KV1, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn	1	153	491,70	104,90	386,80	10.000.000	-	-	10.000.000
7	Nguyễn Thị Lập	200 Ngô Mây, TP. Quy Nhơn	1	153	491,70	104,90	386,80	2.000.000	-	-	2.000.000
8	Nguyễn Cẩn	36/8 Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn	1	164	3,50	3,50	0,00	16.108.000	-	-	16.108.000
			1	165	12,80	12,80	0,00				
9	Võ Hồ Bảo Thạch	86 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn	1	51	62,40	62,40	0,00	34.000.000	10.620.000	-	44.620.000
10	Trần Quốc Huy	233 Thanh Niên, TP. Quy Nhơn	1	90	372,60	332,30	40,30	175.330.000	10.377.000	-	185.707.000
			1	107	28,40	28,40	0,00				
			1	120	2,70	2,70	0,00				
			1	121	5,50	0,80	4,70				

TT	Chủ sử dụng		Tờ BĐ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Diện tích bị thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
								Bồi thường di chuyển mổ mả	Bồi thường vật kiến trúc	Bồi thường, cây cối hoa màu	
11	Phan Thị Ánh Tuyết	279 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn	1	128	14,60	5,50	9,10	33.650.000	-	-	33.650.000
12	Trần Thị Mai	274 Nguyễn Thái học, P. Ngô Mây, TP. Quy Nhơn	1	121	5,50	0,80	4,70	4.111.000	-	-	4.111.000
13	Nguyễn Văn Diệp	Tổ 2, KV1, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn	1	66	148,80	148,80	0,00	2.000.000	15.215.000	3.526.000	20.741.000
			1	77	79,90	79,90	0,00				
14	Nguyễn Đường Hiếu	14/32 Võ Văn Dũng, TP. Quy Nhơn	1	90	372,60	332,30	40,30	16.647.000	19.401.000	-	36.048.000
15	Trần Văn Đoan	139 Ngô Mây, TP. Quy Nhơn	1	90	372,60	332,30	40,30	18.102.000	-	-	18.102.000
16	Nguyễn Thái Định	Tổ 2, KV12, P. Ngô Mây, TP. Quy Nhơn	1	90	372,60	332,30	40,30	39.465.000	495.000	-	39.960.000
17	Huỳnh Văn Ly	278 Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn	1	124	372,60	332,30	40,30	68.363.000	6.427.000	-	74.790.000
18	Nguyễn Văn Hội	30/2 Ngọc Hân Công Chúa, TP. Quy Nhơn	1	110	140,40	120,60	19,80	92.208.000	-	-	92.208.000
19	Võ Văn Thông	262 Ngô Mây, TP. Quy Nhơn	1	46	152,70	152,70	0,00	3.842.000	-	-	3.842.000
20	Lê Đình Bách	126/3 Thanh Niên, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn	1	27	7268,70	2449,90	4818,80	26.688.000	191.000	-	26.879.000
21	Lưu Văn Sự, Trần Thị Lượng	Tổ 1B, KV2, P. Ngô Mây, TP. Quy Nhơn	1	21	52,90	52,90	0,00	2.000.000	-	-	2.000.000
22	Trịnh Văn Hùng	101-103 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn	1	138	17,90	17,90	0,00	26.400.000	11.114.000	-	37.514.000
II	ĐỊA BÀN PHƯỜNG QUANG TRUNG										
1	Trần Thị Ái Hoa	276/26 Hoàng Văn Thụ, TP. Quy Nhơn	1	34	5,10	5,10	0,00	16.751.000	-	-	16.751.000
			1	33	4,60	0,20	4,40				
2	Trần Văn Mẫn	358/20/9 Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn	1	48	174,30	161,50	12,80	78.578.000	-	160.000	78.738.000
Dự kiến mộ có xác chưa phân hủy:								75.000.000			75.000.000
A	Tổng cộng				9648,6	4311,6	5337,0	1.140.093.000	156.058.000	3.686.000	1.299.837.000
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB (A x 2%)										25.997.000
C	Chi phí dự phòng cưỡng chế (B x 10%)										2.600.000
D	Tổng cộng (A+B+C)										1.328.434.000